



THÁP Ồ PHOU KIEO (TH. WEBER, THEO PHÁC HỌA CỦA L. DELAPORTE).

CHƯƠNG X

KHỞI HÀNH TỪ LUANG PRABANG – HANG ĐỘNG PAK HOU – NGUỒN SÔNG MENAM – PAK BEN – CON THUYỀN GẬP NẠM – PAK TA – XIENG KHONG – NÚI LỬA BAN TANOUN – NHỮNG KHÓ KHĂN NGHIÊM TRỌNG ĐẦU TIÊN – THỔ DÂN LEMETH – RỜI XIENG KHONG – TÀN TÍCH XIENG HAI VÀ XIENG SEN – DI VẬT LỊCH SỬ – TỚI GHỀNH TANG HO – MỘT GÓC ĐỊA ĐÀNG – TUYẾN ĐƯỜNG SÔNG TỚI MUONG LIM.

Thời điểm chúng tôi rời Luang Prabang, những cơn mưa đầu mùa đã gây tác động lên dòng sông, khiến nước dâng hơn một thước. Chúng tôi xuất hành vào buổi sáng ngày 25 tháng 5 năm 1867. Cơn gió tây nam dễ chịu, cùng sự mát mẻ tự nhiên của cung đường sông nước, hứa hẹn một ngày đỡ nóng, thoải mái hơn so với khoảng thời gian ở trại.

Cách thành phố một quãng ngắn, dòng sông thu hẹp, trở nên hoang dã, hỗn mang. Dọc hai bờ sông, những dãy núi non khoe các chóp răng cưa và bề mặt đá gồ ghề. Trên những thềm núi thấp nhất, nhô trên mặt sông, thường có nhiều bảo tháp, bên trong hoặc chứa hài cốt cao tăng, hoặc các thứ được cho là xá lợi. Hình dáng chúng vút lên cao, hài hòa với quang cảnh xung quanh. Phía trên Luang Prabang một chút, ở bên tả ngạn, một tòa tháp như thế xuất hiện. Nó nằm tại cái góc nên thơ, giữa sông Mekong và cửa của một sông nhánh nhỏ. Trái núi đóng vai trò bệ tháp, người dân gọi là Phou Kieo. Xa hơn chút nữa,

bên bờ đối diện, ở lối dẫn vào một cái hang (trong các núi đá vôi, hang hốc vốn rất nhiều), ta thấy một pho tượng Phật khổng lồ.

Tối đến, chúng tôi tới điểm hợp lưu với sông Nam Hou. Trước kia, Trung tá de Lagrée từng cân nhắc phương án đi ngược sông này. Vất ngang cửa sông, và chếch trên bờ phải, các vách đá cao vươn lên thẳng đứng. Trên sườn vách có một cái hang sâu hơn những hang trước, được dân địa phương cải tạo làm điện thờ. Chúng tôi leo lên đấy, sử dụng các bậc thang được đục vào đá. Những quãng hở giữa đá tạo nên một dạng ban công; cột trụ và lan can của ban công thì được bàn tay con người hoàn thiện, chỉnh sửa thêm cho đều đặn, bên ngoài cái lối vào khổng lồ,



KHUNG CẢNH SÔNG TRƯỚC KHI ĐẾN NAM HOU (TH. WEBER, THEO PHÁC HỌA CỦA L. DELAPORTE).

kỳ dị, dẫn vô trong hang. Từ đây trông ra sông, khung cảnh thật hùng vĩ. Trước mắt ta không còn một viễn ảnh bất tận, nơi màu xanh của nước và trời hòa lẫn trong ánh sáng chói chang, hợp thành nét cảnh quan ấn tượng nhưng đơn điệu, chỉ bị chắn bởi những hàng cọ phía xa xa, cùng mấy mái nhà ẩn hiện trong bóng cây. Thay vào đó, khúc sông nơi đây thậm chí rộng không đầy ba trăm thước; dòng chảy ngoằn ngoèo của nó tiếp giáp với hai bờ vách đá, còn đằng sau vách là núi non phủ bóng, với các đường răng cưa kỳ dạng kỳ hình.

Độ mười thước bên dưới chỗ chúng tôi, nước đã đục bùn và luôn chảy rất nhanh. Nó đánh vào chân cầu thang dẫn lên “ban công”, khiến chiếc thuyền nhẹ đang neo đợi đoàn va đập vào đá. Đây là vị trí

thật đẹp để theo dõi những cuộc đua thuyền, vốn được tổ chức thường xuyên tại Lào, cũng như để ngắm cảnh hoa đăng do dân địa phương bày biện, tô thêm sắc đẹp cho màn đêm nhiệt đới mê ly. Cách xa xa một khoảng, nước sông Nam Hou màu đen, tĩnh lặng, hòa vào làn nước Mekong ngà ngà. Đường phân giới ngăn cách chúng dao động ở cửa sông, tùy theo tốc độ biến thiên giữa tốc độ hai dòng chảy. Đối diện chúng tôi, phía bên trái, có bãi cát vàng cắt một đường rạch rõ vào sắc tối đen của các khối đá xung quanh. Vầng dương đã lặn xuống đằng sau những chóp đá thâm thẳm, nhô cao giữa nền trời đỏ.

Sau khi đứng ngắm cảnh tượng ngoạn mục một lúc, chúng tôi vào hang. Khắp mọi góc ngách trong hang đều đầy ắp tượng Phật đủ mọi kích cỡ; ngoài ra còn hoa, lọng, cờ phướn và đủ loại vật phẩm cúng dường trang trí trên bàn thờ. Ánh đuốc lập lòe, ban ánh sáng cho chúng tôi, đồng thời tạo nên những bóng đen to lớn, nhảy múa giữa nơi thâm thẳm của ngôi chùa thiên tạo. Hình tượng nhà tiên tri xứ Ca Tỳ La Vệ¹ thường ngày rất an nhiên, nhưng dưới ánh sáng ấy, trông lại kỳ cục. Tuy sự trân thiết tôn giáo trong hang có độc đáo thật, tôi vẫn tự hỏi phải chăng nó làm giảm đi vẻ hùng vĩ tự nhiên của hang? Phải chăng thạch nhũ lấp lánh vẫn đẹp hơn lớp thép vàng đã phai, hơn những sắc màu đã bị độ ẩm làm cho hoen ố, của các thứ đồ thờ tự Phật giáo? Tín chúng tôi thường đến hang này, đặc biệt là khách du hành và cánh phu chèo qua lại trên sông. Các nhà sư trông nom hang thì sống ở bờ đối diện, tại làng Pak Hou, chẳng bao giờ thiếu thốn hoa hay vật phẩm cúng dường.

Vào mùa lũ, nước sông dâng đến tận cửa hang. Năm 1856, lũ lớn bất thường, khiến hang bị ngập một phần. Người dân đã vẽ một vạch đỏ, hơi cao một chút trên vách đá màu trơn thẳng đứng, đánh dấu vị trí nước dâng. Đường vạch cho thấy cách biệt mười bảy thước rưỡi giữa mức dâng thấp nhất và mức kỷ lục trong năm đó. Cách biệt thường thấy (tính từ số trung bình của vài năm bình thường) chỉ là mười thước bảy.

Những ngôi nhà thuộc làng Pak Hou nằm rải rác dọc bờ sông bên trái, sau bãi cát tôi nhắc ban nãy, cái bãi tạo nên một dạng vũng hay bến cảng tự nhiên, nơi đoàn thuyền chúng tôi neo đậu nghỉ đêm. Nhìn từ góc độ nào, trạm dừng này cũng đặc biệt thoải mái. Trên bãi cát có các căn lán cho khách du hành; chúng tôi ngủ ở đó thay vì trên thuyền hẹp.

1. Tức Đức Phật, vì Đức Phật sinh tại thành quốc Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu) ở Ấn Độ. (N.D.)

Màn đêm đã buông. Tôi vội vã lên thuyền nhẹ, đi ngược dòng sông để làm vài cuộc thăm dò độ sâu. Trên chiếc thuyền với hai phu chèo, tôi đi ngược sông Nam Hou khoảng một, hai dặm. Nước Mekong đục và động bao nhiêu, thì nước Nam Hou trong và tĩnh bấy nhiêu, tốc độ dòng chảy gần như bằng không. Lướt dọc theo vách đá, tức cái bờ thẳng đứng cao hơn ba trăm năm mươi thước ở bên hữu ngạn, tiếng chèo thuyền của tôi tạo một âm thanh tom tòm nhẹ nhẹ, ngân vang như tiếng bạc giữa bầu không khí ban khuya. Trên đầu tôi, ở một vị trí rất cao, vài chú chim săn mồi về trễ đang bay vòng vòng, chuẩn bị vào tổ (tổ chim xây trên kẽ đá, tại vị trí cao không thể với). Những tiếng kêu khan, chí chóc của chúng



LỐI VÀO HANG ĐỘNG PAK HOU (E. TOURNOIS, THEO PHÁC HỌA CỦA L. DELAPORTE).

mỗi lúc mỗi thưa. Tôi bảo hai người phu ngừng chèo, hầu tận hưởng niềm lạc thú, thưởng thức phút giây êm ái, thanh bình, do những vì sao đầu tiên trên vòm trời mang lại. Ở các nước nhiệt đới, khoảnh khắc ấy mới dễ chịu làm sao. Chẳng bao lâu sau, chúng tôi không còn nghe thấy gì, ngoài tiếng rì rầm uể oải, âm thầm của dòng sông lớn, cùng tiếng ca êm ái của lũ côn trùng đêm, đang kể cho các bụi cây ven sông nghe những thiên tình sử bí ẩn của chúng.

Sau một ngày mỗi mệt, quay cuồng với những hoạt động tri thức liên tục, không lúc nào ngơi, đòi hỏi tôi phải lao tâm khổ tứ đến từng phút một,



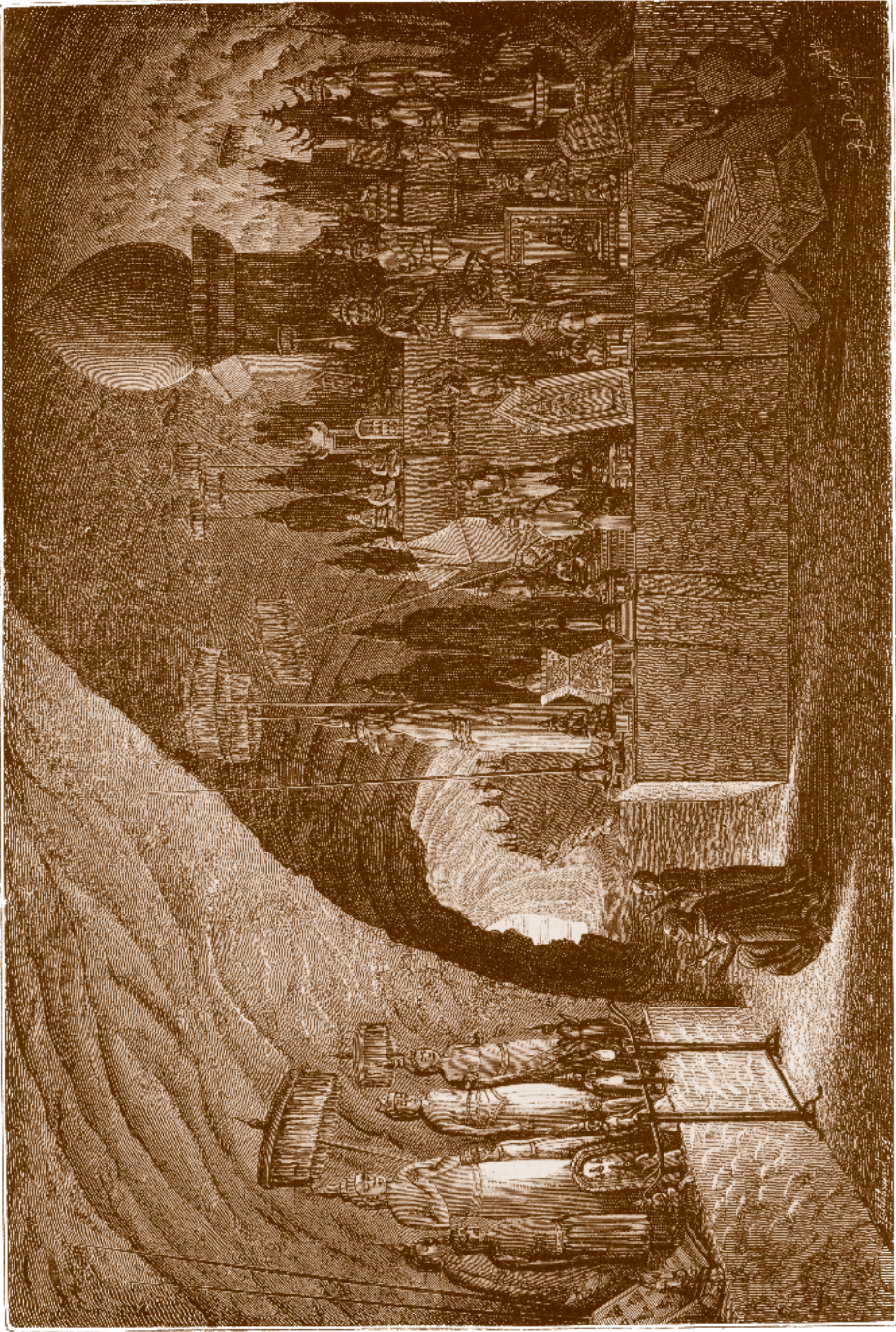
HANG ĐỘNG PAK HOU (L. DELAPORTE, THEO CẢNH THẬT).

thật sáng khoái khi có khoảnh khắc nghỉ ngơi vào cuối buổi, để thoải mái nhớ về một cảnh trí đã qua, khung cảnh mà suốt cả ngày trời, tôi không thể dành một phút giây chiêm ngưỡng! Phận sự của nhà địa lý sao mà chán ghê, cái nghề sao quá ư buồn tẻ, chỉ chăm chăm la bàn, đồng hồ! Tôi ghen biết mấy với các đồng nghiệp. Ít nhất thì công việc của họ cũng không làm mất đi sự hấp dẫn trong cuộc hành trình, và vẫn cho phép họ thưởng ngoạn những phong cảnh mới hiển hiện trước tầm mắt. Họ không cần bận tâm điều gì khác, ngoài việc ngắm cảnh quan! Nhưng than ôi, phong cảnh càng đa dạng bao nhiêu, tôi càng có ít thời gian rảnh bấy nhiêu. Đằng kia có núi, phải nhanh tay đo! A kìa con sông, tên nó là gì, từ đâu chảy tới? Ô một ngôi làng, phải đưa vào bản đồ ngay! Thác ghềnh đó hả, luồng nước ở đâu, và mực nước sâu nhất sâu chừng nào? Tôi không được phép bình yên, dù chỉ một phút. Cái mối ám ảnh địa lý ấy, những trò vận động tay chân không ngơi ấy, nó là số phận của tôi trong suốt hai năm, nó tước đoạt của tôi thú vui ngắm cảnh nên thơ dọc đường. Vì vậy giờ đây, tôi rất vui khi được nhắc về cảnh cũ, hầu đem chúng ra thưởng thức lại, một cách thoải mái hoàn toàn¹.

Trời đã tối đen. Các phu chèo Lào ngồi lặng yên, chòm chòm bất động ở một đầu thuyền, đánh thức tôi khỏi những giấc mộng. Dòng chảy Nam Hou dần dần đưa thuyền trở về Mekong. Cách đây không xa, ánh sáng khu trại đang thấp sáng con sông. Chúng tôi phải về trại thôi.

Ngày hôm kế, việc đi lại trên sông trở nên khó khăn. Từ Luang Prabang, sông trôi về đông bắc, rồi dần dần chuyển sang hướng hoàn toàn đối nghịch, dòng chảy trào dâng giữa những núi đá càng ngày càng dốc. Sau khi xác lập xong phương hướng mới, lòng sông thanh quang, nhưng không mở rộng thêm. Song song với bờ sông có những dãy núi trải dài, chia thành một vài thang bậc, với các nấc thang đều đặn. Thậm chí thực vật nơi đây đồng nhất hơn, song đánh mất tất cả diện mạo nhiệt đới, nếu ta không kể nhiều cây chuối dại, xen lẫn với những cây gạo ven sông, cùng mấy cây cọ khổng lồ vươn mình đây đó trên đỉnh các khối đá vôi. Trên những đỉnh cao nhất thì toàn là thông, làm chúng tôi nhớ đến quê hương xa vắng.

1. Xem *Từ Paris đến Tây Tạng*, tr. 187, 195.



DIỆN THỜ TRONG HANG PAK HOU (GÓC NHIN TỪ PHÍA TRONG HANG TRÔNG RA) (L. DELAPORTE, THEO CÁNH THẤY).

Đọc đường chúng tôi đi, làng mạc ít và cách xa nhau. Một số là làng Lào, với cư dân từ các tiểu quốc miền bắc chạy xuống, chẳng hạn Muong Kun hoặc Xieng Tong. Nhưng thổ dân đông đảo hơn người Lào, hầu hết đều thuộc tộc Khmou. Ta thấy làng của họ trải trên núi, ở “thang bậc” thứ hai. Những cột khói nhẹ tỏa lên đỉnh hoặc la đà giữa các hẻm núi, ấy là dấu hiệu cho biết người dân đang khai thác rừng, hay đốt lửa sủa soạn cho vụ mùa gieo hạt mới.

Ngày 27 tháng 5, chúng tôi thay thuyền, đổi phu tại Ban Cokhe. Hôm sau, đoàn đến Ban Tanoun, một ngôi làng nằm bên hữu ngạn. Trung tá de Lagrée nghe dân nói gần đây có những núi lửa còn hoạt động, bèn cử nhà địa chất – bác sỹ Joubert tách đoàn đi khảo sát kỹ lưỡng, có ông de Carné tháp tùng. Hai người họ sẽ tái ngộ chúng tôi ở Xieng Khong.

Ngày 29 tháng 5, chúng tôi băng ngang cửa một con sông nhỏ. Bản thân sông Se Ngum chẳng có gì quan trọng, nhưng sở dĩ phải nhắc đến nó, là vì từ sườn đối diện của dãy núi sinh ra nó, đã đổ xuống nhánh cực đông của sông Menam. Giữa nguồn hai sông Menam và Mekong, chỉ có một khoảng không gian rất nhỏ ngăn cách. Vào mùa nước cao, theo thông tin từ dân địa phương, ta có thể kéo thuyền đi khoảng một, hai dặm, trên địa hình tương đối bằng phẳng, để rời lòng chảo sông Mekong, chuyển sang lưu thông trên bồn sông Menam. Có lẽ vì gần gũi như vậy, nên trên các bản đồ cũ, hai dòng sông được cho là liên thông¹?

Chúng tôi dừng chân hai mươi bốn tiếng đồng hồ nơi làng Pak Ben, trạm dừng thứ hai giữa Luang Prabang và Xieng Khong. Từ phương bắc, có một con sông nhỏ thơ mộng chảy xuống; ở cách không xa cửa sông, nó trở thành một dòng chảy xiết nhiều cá, và nhập vào dòng Mekong tại mặt phía đông ngôi làng. Dân làng phần nhiều là thổ dân, viên trưởng quan cũng thế. Ông ta rất quan tâm, tỏ thái độ hiếu khách với chúng tôi. Ở vùng này, mực nước dâng vào khoảng ba thước.

Ngày 31 tháng 5, đoàn rời Pak Ben. Dòng sông nhìn chung tiếp tục chảy theo hướng tây, chệch sang nam vài độ, giữa hai bờ toàn vách đá cao, bên trên phủ đầy cây cối, trông thơ mộng cực kỳ. Đến tối, chúng tôi phải dừng bên cạnh một bãi cát. Giữa đêm, một lính An Nam đánh thức tôi, báo rằng chiếc thuyền của vị trưởng quan cấp thấp đi cùng đoàn

1. Chỉ dẫn địa lý này đáng để ghi nhận, sau này chắc chắn có thể sử dụng để phục vụ lợi ích thương mại với Đông Dương.

đã bị dòng nước đánh rời ra và cuốn trôi đi mất, với trưởng quan đang ngủ bên trong. Nhóm phu chèo giật mình thức dậy, lo lắng tột độ. Một số người vội vã leo lên thuyền, cố gắng chèo tới chỗ ông quan không may, trước lúc ông ta rơi xuống con nước xiết giữa các ghềnh đá. Liệu họ có tới kịp lúc, giúp thảm họa khỏi xảy ra hay không? Ở địa điểm hạ lưu cách đây ba, bốn dặm có những ngọn thác; chúng giống như hầu hết các thác chúng tôi đã gặp nơi quãng sông này, tức đều hình thành



VIÊN TRƯỞNG QUAN THỔ DÂN Ở PAK BEN (JANET-LANGE, THEO PHÁC HỌA CỦA L. DELAPORTE).

bởi những bãi đá cuội tại cửa dòng chảy từ núi đổ xuống. Chiếc thuyền của trưởng quan đang ngủ ất đã lật giữa dòng; con người xấu số hẳn đã chết đuối trước khi hiểu ra mình đang ở đâu, nếu như nhóm giải cứu không đến kịp.

Các tay chèo ra sức chèo cật lực. Cuộc đấu sức nửa đêm quả nhiên đầy lôi cuốn, giữa một bên là số mệnh cuốn trôi kẻ ngủ quên chẳng may hay biết, bên kia là thiên ý đã đánh thức chư vị cứu tinh. Chúng tôi rùng mình trước ý nghĩ rằng giữa tiếng thác rì rầm từ phía xa đưa lại, biết đâu ai nấy sẽ nghe thấy tiếng kêu: tiếng đầu tiên của người vừa thành linh tỉnh giấc giữa ba đào, đồng thời là tiếng cuối.

Âm thanh của mái chèo giải cứu, đã từ lâu chúng tôi không nghe nữa. Nỗi đợi chờ kéo dài tới sáng, và chỉ đến khi dừng ăn trưa, mọi người mới thấy hai chiếc thuyền quay về, trên khoang không thiếu một ai. Hóa ra lúc nhóm giải cứu hãy còn ở rất xa, trưởng quan đã nghe họ gọi và tỉnh giấc. Người thuộc tộc ông đã quen với những nguy hiểm loại này, nên chẳng lạ gì khi ông rất nhanh trí, lập tức nhận ra tình thế nguy ngập. Ông vớ mái chèo, chèo vài nhát thật mạnh, đưa thuyền khỏi luồng nước, đến được bờ gần nhất. Sau đó, chiếc thuyền kia đi tới, lai thuyền nhỏ về, trong sự hồ hởi vì đã cứu người thành công. Có thể tôi sai, song tôi tin chắc vị trưởng quan sẽ sai đúc một pho tượng Phật, làm phong phú thêm số lượng vật phẩm cúng dường cung hiến trong hang Pak Hou.

Ngày 1 tháng 6 năm 1867, do phải vượt thác Keng Le, chúng tôi cần dỡ thuyền. Từ bữa rời Luang Prabang, đây là lần đầu tiên đoàn gặp khó khăn đến mức ấy. Nhưng qua chương ngại nói trên, việc giao thông trở nên rất dễ dàng, bởi bờ sông dễ nhận thấy hơn, không còn nhiều đá như trước. Trông về phía tây, chúng tôi gặp những đỉnh núi thuộc cùng một dãy, chiều cao trung bình độ một ngàn đến một ngàn hai trăm thước, dường như chạy thẳng từ bắc xuống nam. Từ Luang Prabang, dòng Mekong vẽ một vòng dài sang tây; rào cản núi non này sẽ chấm dứt vòng đó, đưa nó trở lại hướng bắc. Các đường quanh co nay đã biến mất, lòng sông mở rộng ra, tốc độ chảy giảm. Trên những sườn dốc thoải thoải, đều đặn, dẫn từ hữu ngạn tới các đỉnh dãy núi, đây đó đây ruộng nương và khu định cư.

Ngày 2 tháng 6, chúng tôi dừng một lúc ở Ban Hatsa, một ngôi làng xinh đẹp tọa lạc bên tả ngạn. Hôm sau nữa, đoàn đến Pak Ta, chặng dừng cuối trước Xieng Khong.